

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HC-PT

Ngày: 28/6/2018

*“V/v yêu cầu hủy bỏ QĐ chỉnh lý giấy
CNQSDĐ”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đắc Dũng

Các thẩm phán: Ông Ngô Xuân Hải và Bà Hoàng Thị Luận

*Thư ký phiên toà: Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Bắc Ninh.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông
Lê Đình Sang - Kiểm sát viên.*

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh
xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 01/2018/HC-PT ngày 23
tháng 02 năm 2018 về việc yêu cầu hủy QĐ chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2017/HCST ngày 25/12/2017 của
Tòa án nhân dân huyện Tiên Du bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2018/QĐ-PT ngày
23/4/2018 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Vũ Sỹ B, sinh năm 1949; (Có mặt)

Trú tại: Thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh;

Địa chỉ: Thị trấn L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Xuân L;

Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Nhân B. (Vắng mặt)

Chức vụ: Phó chủ tịch UBND huyện T (Theo giấy ủy quyền số 07/UQ-UBND ngày 21/01/2017 của Chủ tịch UBND huyện T).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đinh Thị S, sinh năm 1955;
 2. Anh Vũ Sỹ M, sinh năm 1990 và vợ là Nguyễn Thị Th;
 3. Anh Vũ Sỹ H, sinh năm 1974 và vợ là chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1975;
 4. Anh Vũ Sỹ D, sinh năm 1981 và vợ là chị Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1985;
- Cùng địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện T. Tỉnh Bắc Ninh.

Người kháng cáo: Ông Vũ Sỹ B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là ông Vũ Sỹ B trình bày:

Ông B được bố mẹ để lại cho quyền quản lý sử dụng 425m² tại thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Theo bản đồ năm 1978 được thể hiện số thửa 9, diện tích 425m² từ bản đồ số 1. Thửa đất có tứ cận: phía Bắc giáp ao; phía Nam giáp thửa đất nhà bà Nguyễn Thị Đ; phía Đông giáp thửa đất nhà ông Vũ Sỹ V và nhà ông Vũ Sỹ H, phía Tây giáp thửa đất nhà ông Vũ Sỹ Đ. Nhưng cạnh hướng Tây thửa đất của hộ ông B chỉ giáp thửa đất nhà ông Vũ Sỹ Đ khoảng 1/3 chiều dài về phía Bắc (Phía sau nhà cấp 4), còn lại hai phần ba chiều dài giáp ngõ đi kéo dài (Phía trước nhà cấp 4). Vì thực tế sử dụng đất của gia đình ông B, thời gian này bố ông B là cụ Vũ Sỹ K đã bót lối đi (thăng ngõ đi) vào vườn phía sau nhà cấp 4, phần lối đi này nằm trong diện tích thửa đất của gia đình ông B. Từ những năm 1978 gia đình ông B đã xây cổng hướng Tây nằm trên cạnh hướng Tây phần tiếp giáp với đất nhà bà Đ (Cổng đi này nằm trong phần lối đi bót xuống vườn phía sau nhà cấp 4). Trước năm 1990 gia đình ông B đã làm một lán lợp proximãng trên phần lối đi này, làm lán để xe và máy cày.

Khoảng năm 1997, chính quyền xã L tiến hành đo đạc lại diện tích thửa đất hộ ông B quản lý sử dụng để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông B đã dẫn đo đạc toàn bộ diện tích thửa đất bao gồm cả phần đất là lối đi ra sau vườn trước đây mà lúc đó đã xây lán để xe. Diện tích thửa đất hộ ông B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 438m². Tăng hơn so với diện tích trong bản đồ

năm 1978 là 13m² là do gia đình ông B lấn chiếm cạnh hướng Bắc giáp ao. Phần diện tích đất thừa 13m² ông B đã nộp tiền cho thôn (Không có phiếu thu tiền).

Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất của hộ ông B được điều chỉnh là thửa số 1, tờ bản đồ số 4 năm 1997, diện tích 438m² tại thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Trong quá trình quản lý sử dụng đất, hộ ông B đã 02 lần mua thêm một phần đất của thôn H mở rộng diện tích thửa đất về hướng Bắc. Lần thứ nhất vào năm 2003 nộp tiền mua 29m² (ông V trưởng thôn trực tiếp thu tiền đất). Lần thứ hai, năm 2005 mua 80m² đất nộp tiền làm hai lần do ông Đ kế toán thôn thu tiền. Tổng số diện tích đất gia đình ông B đang quản lý sử dụng là 547m² tại thôn H, xã L.

Khoảng năm 2005 phần đất ao phía Bắc nhà ông B được chia cho hộ bà Vũ Thị H sử dụng nên có chuyển trả gia đình ông B 30m² đất về phía Tây sau nhà ông Đ.

Năm 2007, UBND xã L ra quyết định buộc tháo dỡ những công trình trên phần đất ngõ đi kéo dài đến hết ngôi nhà cấp 4 để trả lại ngõ đi cho tập thể, ông B không chấp hành.

Ngày 28/4/2008, UBND huyện T ban hành quyết định số: 124/QĐ-UBND về việc điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Vũ Sỹ B từ diện tích 438m² xuống 416 m², cắt đi 22m² đất của hộ ông B để làm ngõ đi chung (rộng hướng Bắc là 2m; rộng hướng Nam là 2,4m; dài 28m).

Ngay sau đó UBND xã L ban hành quyết định cưỡng chế buộc tháo dỡ các công trình trên đất và thi hành cưỡng chế. Ông B đã khiếu kiện các quyết định này đến UBND huyện T, UBND tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 30/5/2012, ông B đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án huyện Tiên Du yêu cầu hủy Quyết định số: 124/QĐ-UBND ngày 28/4/2008 của UBND huyện T về việc điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L890, vào sổ số 005 ngày 25/12/1997 và buộc UBND huyện T phải bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần theo qui định của pháp luật.

Ông Vũ Sỹ B khẳng định UBND huyện T đã ra Quyết định điều chỉnh diện tích đất của hộ ông B không đúng, UBND huyện đã tự ý cắt của hộ ông B 22m² đất làm ngõ đi chung mà trong suốt quá trình sử dụng đất phần diện tích đất này

hộ ông B đã sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Một lần nữa ông B khẳng định không có ngõ đi chung nằm trong phần đất của hộ ông B.

Theo ông Vũ Sỹ B, hồ sơ thửa đất lập ngày 16/7/1997 đã có việc chỉnh lý, tẩy xóa để thể hiện cạnh hướng Tây của thửa đất giáp ngõ đi, thực tế là giáp nhà ông Vũ Sỹ Đ. Chính do việc tẩy xóa này nên trong bản đồ năm 1997 có thể hiện hướng Tây thửa đất số 1, diện tích 438m² giáp ngõ đi.

Đại diện ủy quyền của UBND huyện T trình bày:

Quyết định số: 124/QĐ-UBND ngày 28/4/2008 của UBND huyện T được ban hành đúng thẩm quyền được quy định tại Luật tổ chức HĐND và UBND, Nghị định số: 181/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003. Về căn cứ pháp lý: Theo bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 1997, về hình thể, kích thước thửa đất của hộ ông B là giữ nguyên so với hồ sơ thửa đất lập ngày 16/7/1997. Tuy nhiên do tính toán sai về diện tích, do công nghệ tính toán chưa được hiện đại nên có sự sai sót về diện tích ghi trên giấy chứng nhận. Trước khi Phòng Tài nguyên và môi trường huyện T có tờ trình chỉnh lý diện tích ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Vũ Sỹ B, UBND xã L đã có Công văn số: 39/CV-UBND đề nghị chỉnh lý diện tích ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Vũ Sỹ B từ 438m² xuống còn 416m², khi đó có biên bản hiện trạng do UBND xã L lập có mốc giới các cạnh cụ thể. Sau đó Phòng Tài nguyên và môi trường huyện T có tiến hành xuống đo đạc lại diện tích thực tế nhưng do ông Vũ Sỹ B không hợp tác nên không đo đạc được. Sau đó phòng Tài nguyên và môi trường huyện T đã áp dụng phần mềm tính toán hiện đại Microstation SE tính toán lại diện tích đất của hộ ông B thì thấy diện tích đất của hộ ông B là 416m² chứ không phải là 438m² như đã ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L890, vào sổ số 005 ngày 25/12/1997. Vì vậy, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T đã làm tờ trình đề nghị UBND huyện T ra quyết định chỉnh lý diện tích ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Vũ Sỹ B từ 438m² xuống còn 416m². Mặt khác căn cứ vào thông tư số 09/TT-BTNMT ngày 02/8/2007 của Bộ tài nguyên và môi trường thì sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản đồ địa chính phải chỉnh sửa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Hồ sơ kỹ thuật thửa đất nhưng đối với

trường hợp hộ ông Vũ Sỹ B đến nay vẫn chưa được chỉnh sửa về bản đồ địa chính nên có sự khác nhau về hình thể thửa đất giữa hồ sơ thửa đất bản đồ địa chính.

Về hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 16/7/1997 đã được xác định có việc tẩy xóa. Cơ quan công an huyện T đã ra quyết định số 164 ngày 11/11/2014 về việc trưng cầu giám định Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an. Tại kết luận giám định số: 4573-A/C54-P5 ngày 14/4/2015 đã khẳng định có việc tẩy xóa, sửa chữa ở những vị trí cụ thể, đồng thời xác định được nội dung nguyên thủy tại các vị trí tẩy xóa, sửa chữa. Theo kết luận này về cơ bản những vị trí tẩy xóa, sửa chữa tìm được nội dung nguyên thủy cơ bản trùng khớp với nhau. Chỉ có một số nội dung không trùng khớp trong đó có 02 nội dung ảnh hưởng đến diện tích thửa đất số 1 tại thôn H, xã L của hộ ông Vũ Sỹ B đó là:

“ 5.2. Trong mục “I- SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT:”.....

- Nội dung nguyên thủy tại vị trí số “22.0” đã bị tẩy xóa và được viết bằng bút khác mực với bút viết số “22.0”. Nội dung nguyên thủy trước khi bị tẩy xóa xác định được là số “27.0”

5.3. Trong mục “II- BẢNG KÊ CÁC CẠNH VÀ GIÁP DANH THỬA ĐẤT”

- Nội dung nguyên thủy tại vị trí chữ “ngõ” ở cột “Chủ hộ giáp danh” đã bị tẩy xóa và được viết bằng bút khác mực với bút viết chữ “ngõ”. Nội dung nguyên thủy trước khi tẩy xóa xác định được là chữ “Vũ Sỹ Đ”.

Các cạnh còn lại của thửa đất cho dù có việc tẩy xóa, sửa chữa nhưng vẫn trùng khớp về số liệu. Cụ thể cạnh hướng Bắc dài 17,8m; Cạnh hướng Nam dài 16,7m; Cạnh hướng Đông dài 27,0m; chiều rộng hướng bắc ngõ là 2,0m; chiều rộng hướng Nam ngõ là 2,4m. Điều này khẳng định tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã xác định cạnh hướng Tây thửa đất của hộ ông Vũ Sỹ B giáp ngõ đi chứ không phải giáp nhà ông Vũ Sỹ Đ. Trong hồ sơ thửa đất có việc tẩy xóa, sửa chữa là phù hợp thực tế sử dụng đất.

Quá trình xét xử sơ thẩm, Tòa án sơ thẩm đã tiến hành cho các bên đối thoại và thống nhất về việc UBND huyện T thay thế Quyết định số: 124/QĐ-UBND ngày 28/4/2008 bằng một quyết định khác với nội dung chỉnh lý chiều dài

cạnh hướng Tây của thửa đất số 1 của hộ ông Vũ Sỹ B từ 22.0m lên 24.0m để đảm bảo diện tích thửa đất là 438m². Ông Vũ Sỹ B đã nhất trí với ý kiến này đồng thời không yêu cầu bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần theo đơn khởi kiện. Ông Vũ Sỹ B cam kết sẽ rút yêu cầu khởi kiện ngay sau khi nhận được quyết định mới.

Ngày 18/10/2017, UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 1830/QĐ-UBND về việc chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Vũ Sỹ B như đúng nội dung phiên đối thoại và đã gửi ngay quyết định trên cho hộ ông Vũ Sỹ B. Tuy nhiên, sau đó, ông B không đồng ý rút đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án xem xét hủy quyết định số: 1830/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của UBND huyện T với lý do phần đất phía Bắc của thửa số 1 là phần diện tích 109m² đất năm 2003 và năm 2005 gia đình ông B mua của thôn H. Trước khi xã giao đất cho gia đình bà H có yêu cầu gia đình ông đổi một phần đất này là 30m² sang phần đất giáp với hướng Bắc thửa đất của gia đình ông Vũ Sỹ Đ. Hộ ông B yêu cầu phải trả 22m² này vào phần ngõ đi. Toàn bộ diện tích ngõ đi nằm trong diện tích đất thửa số 1, diện tích 438m² của hộ gia đình nhà ông.

Đại diện ủy quyền của người bị kiện trong các lần làm việc với Tòa án trình bày: Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 28/4/2008 đã được thay thế bởi quyết định số 1830/QĐ-UBND ngày 18/10/2017. Quyết định số 1830 này được ban hành dựa trên cơ sở buổi đối thoại đã được thống nhất ý kiến với ông Vũ Sỹ B, được ban hành đúng trình tự, thẩm quyền và thủ tục quy định, hoàn toàn bảo đảm quyền lợi cho hộ gia đình ông Vũ Sỹ B cùng toàn bộ các hộ dân ở xung quanh.

Tại bản án sơ thẩm số: 02/2017/HC-ST ngày 25/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du đã xét xử và quyết định: Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 và khoản 1, 2 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Điều 46, Điều 47, Điều 48; Điều 52 Luật đất đai năm 2003; Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Sỹ B;

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định, chi phí đo đạc thực địa và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/01/2018, ông Vũ Sỹ B có đơn kháng cáo kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Vũ Sỹ B vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo cho rằng: Không có ngõ đi chung nằm trong phần đất của gia đình nhà ông. Phần đất phía Bắc của thửa số 155 là phần diện tích 109m² đất mà gia đình đã mua của thôn năm 2003 và 2005. Trước khi xã giao đất cho gia đình bà H có yêu cầu gia đình ông đổi một phần đất này là 30m² sang phần đất giáp với hướng Bắc thửa đất của gia đình ông Đ. Hộ gia đình nhà ông yêu cầu phải trả 22m² này vào phần ngõ đi. Do đó toàn bộ diện tích ngõ đi nằm trong diện tích thửa đất số 1, diện tích 438m².

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh sau khi tham gia xét hỏi, nêu lại nội dung vụ kiện, kháng cáo đã có quan điểm như sau: Việc tuân thủ pháp luật về tố tụng của những người tham gia tố tụng, tiến hành tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Thủ tục kháng cáo hợp lệ được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Về nội dung kháng cáo: Bản án sơ thẩm đã xem xét và đánh giá đầy đủ, toàn diện, khách quan nội dung vụ án. Quyết định số 1830/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của UBND huyện T về việc chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ban hành đúng thẩm quyền, hình thức và nội dung. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông Vũ Sỹ B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; nghe các ý kiến trình bày của các bên đương sự; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 28/4/2008, UBND huyện T ban hành quyết định số: 124/QĐ-UBND chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Vũ Sỹ B. Ngày 06/5/2008, ông Vũ Sỹ B nhận được quyết định trên, sau đó tiến hành khiếu nại. Ngày 03/6/2010, UBND huyện T có văn bản trả lời hết thời hiệu giải quyết khiếu nại nên không giải quyết. Ngày 30/5/2012, ông B khởi kiện QĐ số 124 tại Tòa án

nhân dân huyện Tiên Du. Quá trình xét xử vụ án, sau khi tiến hành đối thoại, UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 1830/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 về việc chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thay thế quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 28/4/2008 của UBND huyện T. Sau khi nhận được QĐ số 1830, ông B tiếp tục có đơn đề nghị yêu cầu hủy quyết định này vì xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Tiên Du xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Điều 28, 29 Luật tổ tụng hành chính năm 2010 và Điều 3 Nghị Quyết 56/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Luật tổ tụng hành chính; khoản 1,2 Điều 1 Nghị quyết 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 28/4/2008 của UBND huyện T về việc chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Tại biên bản phiên tòa hành chính phúc thẩm ngày 07/5/2014, ông Vũ Quốc H - Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T đã xác nhận: Sau khi UBND xã L có công văn đề nghị chỉnh lý diện tích ghi trên giấy CNQSD đất của hộ gia đình ông B từ 438m² xuống còn 418m², có biên bản mốc giới các cạnh cụ thể. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T có tiến hành xuống đo lại diện tích nhưng do hộ gia đình ông B không hợp tác nên không đo được thực tế diện tích sử dụng đất. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T đã áp dụng phần mềm tính toán Microstation SE để tính toán diện tích đất của hộ ông B. Như vậy, việc UBND huyện T ban hành quyết định số 124 là không đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình đối thoại tại phiên tòa sơ thẩm, giữa người khởi kiện và người bị kiện đã nhất trí về việc ban hành quyết định mới thay thế quyết định số 124, với nội dung chỉnh lý chiều dài cạnh hướng Tây của thửa đất số 1 của hộ ông Vũ Sỹ B từ 22.0m lên 24.0m để đảm bảo diện tích thửa đất là 438m². Sau đó, ngày 18/10/2017, UBND huyện T đã ban hành quyết định số 1830/QĐ-UBND về việc chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi ông B nhận được quyết định này đã có đơn yêu cầu Tòa án xem xét hủy quyết định số 1830 vì không bảo đảm quyền lợi của hộ gia đình ông.

[2.2] Đối với Quyết định số 1830/QĐ-UBND về việc chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Về thẩm quyền: Quyết định số 1830 được ban hành đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28 Luật tổ chức chính quyền địa phương; Khoản 1 Điều 106 Luật đất đai; Điều 86 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đất đai.

Về nội dung: Căn cứ vào bản đồ năm 1978, kết luận giám định số: 4573-A/C54-P5 ngày 14/4/2015 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát và Thông tư số 09/2007/TT-BTNMT ngày 02/08/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc lập, chỉnh lý, quản lý hồ sơ địa chính thì việc UBND huyện T ban hành quyết định số 1830 là đúng trình tự, thẩm quyền và thủ tục quy định của pháp luật, hoàn toàn bảo đảm quyền lợi cho hộ gia đình ông Vũ Sỹ B cùng toàn bộ các hộ dân ở xung quanh. Bản án sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ, toàn diện về nội dung vụ án. Việc ông Vũ Sỹ B cho rằng quyết định 1830 điều chỉnh cạnh phía Tây tăng thêm 02m về hướng Bắc, phần đất này là thuộc quyền quản lý của hộ gia đình ông do gia đình ông đã mua của thôn vào năm 2005. Đối với ý kiến này, Hội đồng xét xử thấy rằng, năm 2005, hộ gia đình ông B có được thôn H bán trái thẩm quyền 109m². Tuy nhiên, phần diện tích mua thêm này chưa xác định mốc giới cụ thể nên việc điều chỉnh theo quyết định 1830 là có căn cứ, đảm bảo diện tích của hộ gia đình ông B là 438m². Do đó, không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Sỹ B, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.3] Đối với các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Sỹ B, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2017/HC-ST ngày 25/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 và khoản 1, 2 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Căn cứ vào Điều 46, Điều 47, Điều 48; Điều 52 Luật đất đai năm 2003; Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Điều 86 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Sỹ B về yêu cầu hủy Quyết định số: 1830/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 về việc chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L890, vào sổ số 005 ngày 25/12/1997 của UBND huyện TS (Nay là huyện T) đối với thửa đất số 1, tờ bản đồ số 4, diện tích 438m² tại thôn H, xã L, huyện T hộ ông Vũ Sỹ B.

2. Về án phí: Ông Vũ Sỹ B phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm. Xác nhận ông B đã nộp đủ theo biên lai số: AA/2015/0000236 ngày 04/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà nội;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- UBND huyện T;
- TAND huyện Tiên Du;
- Chi Cục THADS huyện Tiên Du;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Đắc Dũng